TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:396/2018/HNGĐ-ST Ngày: 07-8-2018 V/v tranh chấp "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Thế Tụng**
2. Ông **Nguyễn Văn Nam**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Vĩnh Lộc -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1962; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 143/20 T, Phường T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị Ngọc Th,** sinh năm 1964; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc Th chung sống với nhau năm 1980, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 1994 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm về cách sống, cách nghĩ. Năm 1994 ông nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Th, tại bản án số 53/HNST ngày 14-9-1994 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo và bản án số 01a/HNPT ngày 21-01-1995 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông. Tuy nhiên từ đó cho đến nay hai người không sống chung với nhau và không còn tình cảm. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà Th.

Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Thị Diễm H sinh năm 1983 và Nguyễn Thanh Q sinh năm1985, cả hai đều đã trưởng thành và đã sống tự lập.

Về tài sản chung: Không có; nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại biên bản hòa giải bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Th trình bày:

Bà không đồng ý ly hôn với ông Th, do trước năm 1994 ông T có quan hệ tình cảm với người khác và có con riêng sau đó ông T nộp đơn ly hôn với bà nhưng không được Tòa án chấp nhận. Từ năm 1994 đến nay ông T vẫn tiếp tục chung sống với người khác và không chăm lo cho con. Nay bà không đồng ý ly hôn bà yêu cầu vợ chồng tiếp tục sống ly thân như vậy.

Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Thị Diễm H sinh năm 1983 và Nguyễn Thanh Q sinh năm1985, cả hai đều đã trưởng thành và đã sống tự lập.

Về tài sản chung: Không có; nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc Th tranh chấp ly hôn; bà Th hiện đang ở tại ấp Trường Xuân A, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt; bị đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc Th không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông T và bà T.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T và bà Th chung sống vợ chồng kể từ năm 1980. Mặc dù cả hai không đăng ký kết hôn nhưng theo quy định tại điểm a Mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 quy định "a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03-01-1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình", Nghị quyết 35/2000/QH10 chưa bị thay thế, bãi bỏ nên vẫn còn giá trị pháp lý. Do đó quan hệ vợ chồng của ông T với bà Th là hôn nhân thực tế. Nay ông T có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Ông T cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về cách sống, cách nghĩ. Hai người phát sinh mâu thuẫn từ năm 1994, ông T có làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Th, nhưng tại bản án số 53/HNST ngày 14-9-1994 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo và bản án số 01a/HNPT ngày 21-01-1995 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông, để hai người có điều kiện hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên từ đó đến nay ông T và bà Th vẫn sống ly thân không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và cho đến nay vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Bà Th thừa nhận từ thời điểm Tòa án bácc đơn ly hôn của ông T, giữa bà và ông T vẫn không có đồng thái gì để hàn gắn, hai người vẫn sống ly thân, ông T không chăm lo cho con cái, gia đình. Tuy nhiên bà không đồng ý ly hôn yêu cầu vợ chồng tiếp tục sống ly thân như từ năm 1994 đến nay. Xét ý kiến trình bày của bà Th là không có cơ sở, bởi lẽ từ khi Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật đến nay bà cũng không có động thái gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, đây là quyền và nghĩa vụ của cả hai người, nhưng bà Th không thực hiện để tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó đã cho thấy bà Th cũng không còn quan tâm đến hôn nhân giữa bà với ông T. Xét thấy tình cảm và đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà Th.

[4] Các con chung đã trưởng thành, về tài sản chung và nợ chung không có, ông T, bà Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ông T phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc Th.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 36374 ngày 19-3-2018 nên xem như ông Thanh đã thi hành xong án phí.

Ông T, bà Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã Xuân Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Phương